

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28 -7- 2022

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA -TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tơ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Năm.

Ông Trần Văn Nhị.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thoa, Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 128/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐXX-ST ngày 24 tháng 6 năm 2022 giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

- ***Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

(Ông S có đơn xin vắng mặt ngày 08/6/2022. Bà T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 01/4/2022 và lời trình bày trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Thanh S trình bày: Ông với bà Nguyễn Thị T tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2011. Ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận kết hôn số 78, quyển số 01 ngày 01/7/2011. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà T đã bỏ nhà đi. Ông đã về quê tìm kiếm thì gia đình bà T trả lời không biết bà T hiện sinh sống ở đâu. Ông đã đăng báo tìm kiếm nhưng bà T cũng không về. Sau khi có quyết định thông báo tìm kiếm người vắng

mặt nơi cư trú thì ông có về quê mẹ ruột bà T thì biết bà T đã có chồng khác. Có dẫn người thanh niên khác về quê thăm gia đình. Ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa nên ông yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về nuôi con chung: Ông bà có một con chung tên Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 16/9/2009. Con gái đang sống chung với ông. Khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thắm không có lời trình bày.

Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa thụ lý vụ án.

Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Thanh S. Về nuôi con chung: Tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 16/9/2009 cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con do ông S không yêu cầu. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Thanh S yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị T. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa.

Ông Nguyễn Thanh S có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh S với bà Nguyễn Thị T tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2011. Ông S, bà T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T theo giấy chứng nhận kết hôn số 78, quyển số 01 ngày 01/7/2011. Do cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc nên bà T đã bỏ nhà đi. Ông S đã tìm kiếm nhiều lần để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà T cố tình lẩn tránh và giấu địa chỉ nên ông S đã thông báo tìm kiếm bà T về đoàn tụ. Sau khi tìm kiếm thì bà T cũng không về nhà. Ông S có về quê bà T thì được biết bà T đã lấy chồng khác nhưng vẫn không chịu

ly hôn với ông S. Hội đồng xét xử nhận thấy bà Nguyễn Thị T đã bỏ đi hơn hai năm và theo Quyết định số 02 ngày 30/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa đã ra thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú bà Nguyễn Thị T. Sau khi có quyết định thì ông S có về quê bà T thì được biết bà T đã có chồng khác và cùng chồng về thăm gia đình. Bà T cũng không về thăm con.

Tại biên bản xác minh ngày 08/6/2022 bà Nguyễn Thị Bích T là chị dâu và sống sát bên nhà mẹ ruột bà T trình bày: Bà T cùng chồng tên T có về thăm gia đình. Tại biên bản xác minh ngày 08/6/2022 bà Nguyễn Thị H là mẹ ruột của bà T trình bày: T có về thăm và đã có chồng khác, bà không biết số điện thoại và địa chỉ của T. Bà H đồng ý nhận toàn bộ các giấy tờ văn bản của Tòa án và cam kết gọi cho T. Như vậy, bà T có tình giấu địa chỉ không đến Tòa án để giải quyết ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử giải quyết cho ông S với bà T ly hôn trên cơ sở điều 56 Luật Hôn nhân gia đình và điểm e khoản 1 điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự

[3] Về nuôi con chung: Ông S, bà T có một con chung tên Nguyễn Thị Thùy T sinh, ngày 16/9/2009. Ông S đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn thì ông S yêu cầu được nuôi con không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Bà T không có mặt tại Tòa án nên không thỏa thuận được về việc nuôi con. Căn cứ theo khoản 2 điều 81 Luật Hôn nhân gia đình thì vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Quá trình tìm hiểu và Tòa án tiến hành trực tiếp lấy lời khai của cháu T 08/7/2022 thì cháu T xin được sống với cha và thực tế cháu đang học tập tại nơi ông Sang sinh sống là thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Như vậy nguyện vọng của cháu là được sống chung với ông S. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận tiếp tục giao con cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con do ông S không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Ông S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điều 55, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Thanh S đối với bà Nguyễn Thị T.

Ông Nguyễn Thanh S được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

2. Về nuôi con chung: Tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 16/9/2009 cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con do ông S không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con được quyền yêu cầu hạn chế quyền thăm nom nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, các bên hoặc một bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Thanh S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông S nộp ngày 05/4/2022 biên thu lai số 0002375 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An sang án phí.

6. Án xử sơ thẩm công khai ông S, bà T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THA-DS huyện Thủ Thừa;
- UBND T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Tơ

